

Số: 70/2019/QĐPT - DS

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO, KHÁNG NGHỊ ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Công Đồng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

Tại quyết định chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 23/2019/QĐST – DS ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố B đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST - DS ngày 18/12/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số X, đường P, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Võ Minh T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Thanh T1 – Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Nguyễn Quang H – Phó giám đốc chi nhánh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Chị Phan Thị Th, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Tại đơn kháng cáo ngày 15/5/2019 và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐKNPT – VKS – DS ngày 20/5/2019, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại

cổ phần Đ và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đều nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự nêu trên để tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

XÉT THẤY

Theo các tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thì thấy:

Ngày 09/11/2015, chị Phan Thị Th, sinh năm 1982 có địa chỉ thường trú: Khu Y, phường K, thành phố B; tạm trú: chợ D, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang; công tác tại Tổng Công ty cổ phần may B có làm Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ). Ngày 10/12/2015, Ngân hàng Đ đã duyệt cho chị Th vay số tiền là 25.000.000 đồng; thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất: 9,5%/năm; số tiền góp 1 kỳ: 1.240.000 đồng.

Do chị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 03/5/2019, Ngân hàng Đ đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2018 tại TAND thành phố B, yêu cầu chị Th phải trả số tiền tính đến ngày 18/4/2018 là 15.313.584 đồng (trong đó: tiền gốc 13.075.612 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.440.833 đồng, tiền lãi quá hạn là 797.139 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/4/2018 đến ngày chị Th trả hết nợ theo lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngày 14/5/2018, TAND thành phố B thụ lý vụ án dân sự số: 76/2018/TLST – DS về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 27/7/2018 TAND thành phố B đã tiến hành làm việc với Cảnh sát khu vực phụ trách khu phố Y, được cung cấp: Ngày 03/5/2018, Công an phường K có xác nhận cho Ngân hàng Đ nội dung chị Th có hộ khẩu thường trú tại địa phương – phường K, thành phố B. Việc xác nhận này là căn cứ vào sổ hộ khẩu do Công an quản lý. Tuy nhiên, thực tế chị Th không cư trú tại địa phương. Công an phường không nắm chị Th đang cư trú tại đâu do chị không trình báo (BL: 29).

Ngày 17/8/2018, TAND thành phố B có Quyết định chuyển vụ án dân sự số: 06/2018/QĐST – DS đến TAND thành phố B1 với lý do chị Phan Thị Th không cư trú tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú, khi ký Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ với Ngân hàng Đ, chị Th cư trú và làm việc tại Bắc Giang, địa chỉ: phường D, thành phố B1.

Ngày 27/8/2018, TAND thành phố B1 đã thụ lý vụ án. Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2018, tổ trưởng tổ dân phố G, phường D, thành phố B1 cung cấp: Hiện nay không có công dân nào là Phan Thị Th, sinh năm 1982 cư trú trên địa bàn tổ

dân phố G (trước đây là thôn Ch, phường D, thành phố B1) vì từ trước đến nay không có ai là Phan Thị Th, sinh năm 1982 khai báo tạm trú cũng như đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương (BL: 40). Theo Công ty cổ phần Tổng Công ty may B cung cấp thì chị Phan Thị Th, sinh năm 1982, hộ khẩu thường trú: Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty may B từ ngày 13/6/2016 (BL: 45, 46).

Ngày 14/9/2018, TAND thành phố B1 có Quyết định chuyển vụ án số: 01/2018/QĐST – DS đến TAND thành phố B với lý do: chị Phan Thị Th không cư trú và làm việc tại thành phố B1.

Ngày 18/12/2018, TAND thành phố B thụ lý lại vụ án. Tại Biên bản xác minh ngày 12/4/2019, anh Nguyễn Việt Trung – Cán bộ tư pháp phường K (cũng là em chồng chị Th) cho biết: Chị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng trên thực tế chị Th làm việc tại Công ty may B, thuê trọ và sinh sống tại Bắc Giang. Cuối năm 2016, chị Th đi lao động tại Liên bang Nga, anh N (chồng chị Th) cũng đi làm ăn xa. Từ năm 2016 đến nay chị Th không liên lạc, tin tức gì về gia đình (BL: 79).

Tại công văn số: 7009/QLXNC – P5 ngày 03/5/2019, Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an cho biết: Không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh đối với chị Phan Thị Th (BL: 88).

Ngày 07/5/2019, TAND thành phố B có Thông báo số: 25/TB – CCTLCC, yêu cầu Ngân hàng Đ cung cấp địa chỉ cụ thể hiện nay của chị Phan Thị Th. Ngày 10/5/2019, Ngân hàng Đ có văn bản trả lời về việc không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của chị Th.

Ngày 14/5/2019, TAND thành phố B có Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 23/2019/QĐST – DS với lý do: Người khởi kiện ghi không đúng địa chỉ của người bị kiện trong đơn khởi kiện và không cung cấp được địa chỉ của người bị kiện, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và kháng cáo của Ngân hàng Đ, Hội đồng phúc thẩm thấy:

Tại Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm kế ước nhận nợ do chị Phan Thị Th viết ngày 09/11/2015 và được Ngân hàng Đ phê duyệt ngày 10/12/2015, chị Phan Thị Th kê khai địa chỉ của mình là thường trú tại: Khu Y, phường K, thành phố B,

tỉnh Bắc Ninh; địa chỉ tạm trú: chợ D, thành phố B1, tỉnh Bắc Giang; công tác tại: Tổng công ty cổ phần may B. Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2018, Ngân hàng Đ đã cung cấp địa chỉ thường trú của chị Phan Thị Th là Khu Y, phường K, thành phố B. Kèm theo đơn khởi kiện là xác nhận của Công an phường K về việc chị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu Y, phường K, thành phố B. Như vậy, người khởi kiện là Ngân hàng Đ đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NĐ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND thành phố B và TAND thành phố B1 đã xác minh, làm rõ: Chị Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu Y, phường K, thành phố B nhưng hiện tại chị không còn sinh sống ở Khu Y, phường K, thành phố B; đồng thời chị cũng chưa từng đăng ký tạm trú và hiện không sinh sống tại tổ dân phố G(trước đây là thôn Ch), phường D, thành phố B1. Trường hợp này cần xác định: trong đơn khởi kiện, nguyên đơn là Ngân hàng Đ đã ghi địa chỉ của bị đơn đúng theo văn bản giao kết về việc vay tiền của hai bên. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết: 04/2017/NĐ – HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc chị Th thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án sơ thẩm không được đình chỉ vụ án mà cần tiếp tục giải quyết vụ án chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm thấy việc Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm. Do vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và kháng cáo của Ngân hàng Đ, hủy quyết định đình chỉ nêu trên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án.

- Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng Đ được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

1. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 23/2019/QĐST – DS ngày 14/5/2019 đối với vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST – DS ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B để tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí sơ thẩm đối với các đương sự sẽ được xem xét khi Tòa án sơ thẩm giải quyết vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố B;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**